

**NGHỊ QUYẾT**

**Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2019-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Xét Tờ trình số 6826/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua đề án và ban hành Nghị quyết quy định về Chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2019-2021; Báo cáo thẩm tra số 72/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2021, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam chưa được hưởng các chế độ, chính sách hỗ trợ từ Trung ương.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

**1. Trẻ em mầm non**

a) Trẻ em mầm non là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng không hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

b) Trẻ em mầm non là người khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non là con của gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Học sinh phổ thông (không áp dụng đối với học sinh đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú)

a) Học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục không thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Học sinh phổ thông là người khuyết tật con của gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số đang học cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nằm trong diện đăng ký và đã thoát khỏi hộ nghèo, hộ cận nghèo.

### **Điều 3. Chính sách hỗ trợ**

1. Trẻ em mầm non

a) Hỗ trợ tiền ăn trưa bằng 10% mức lương cơ sở/trẻ/tháng.

b) Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Trường hợp trẻ mầm non thuộc cả 02 nhóm đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết này thì chỉ được hưởng 01 mức theo quy định.

2. Học sinh phổ thông (không áp dụng đối với học sinh đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú)

a) Hỗ trợ tiền ăn bằng 20% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

b) Hỗ trợ chi phí học tập với mức 120.000 đồng/học sinh/năm học.

c) Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Trường hợp học sinh phổ thông thuộc cả 02 nhóm đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này thì chỉ được hưởng 01 mức theo quy định.

3. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Hỗ trợ học bổng chính sách mỗi tháng bằng 100% mức tiền lương cơ sở/tháng/người.

b) Hỗ trợ mỗi năm một lần tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: Mức 300.000 đồng/năm/người đối với học sinh, sinh viên ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; mức 200.000 đồng/năm/người đối với các đối tượng còn lại.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ khi thoát khỏi hộ nghèo, cận nghèo cho đến khi kết thúc khóa học.

### **Điều 4. Thời gian thực hiện**

1. Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông: Áp dụng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/5/2021.

2. Học sinh, sinh viên: Áp dụng từ ngày 01/01/2019 đến hết năm 2021. Những học sinh, sinh viên nhập học trước ngày 31/12/2021 sẽ được tiếp tục hỗ trợ cho đến khi hoàn thành khóa học.

#### **Điều 5. Kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí thực hiện.
2. Dự kiến kinh phí thực hiện cho giai đoạn 2019-2021: Khoảng 115 tỷ (Một trăm mười lăm tỷ đồng)
3. Chi phí đối với từng đối tượng/năm như sau:
  - a) Chi phí hỗ trợ học tập đối với trẻ mầm non và học sinh phổ thông: khoảng 37 tỷ/năm (Ba mươi bảy tỷ đồng).
  - b) Chi phí hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: khoảng 1,5 tỷ/năm (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2018.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018./.*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



**Nguyễn Ngọc Quang**